

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

\*\*\*\*\*

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3/2011

THÁNG 9 NĂM 2011

305.  
CÔNG  
CỐ PH  
THA  
10  
KI  
5 C

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2011	01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,072,627,017,702</b>	<b>1.601.398.030.962</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4,254,033,360	249.370.284.462
1. Tiền	111		4,254,033,360	10.870.284.462
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	238.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		49,500,000,000	10.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	49,500,000,000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		553,958,632,201	949.319.760.835
1. Phải thu khách hàng	131		586,613,973,304	538.134.373.499
2. Trả trước cho người bán	132		1,391,995,773	4.568.645.320
3. Phải thu nội bộ	133		99,900,000	-
4. Các khoản phải thu khác	135	6	6,607,582,046	406.616.742.016
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(40,754,818,922)	-
IV. Hàng tồn kho	140		447,608,198,876	358.022.133.070
1. Hàng tồn kho	141	7	447,608,198,876	358.022.133.070
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17,306,153,265	34.685.852.595
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15,581,473,373	22.874.541.986
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		676,810,872	11.402.384.648
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,047,869,020	408.925.961
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,133,489,471,582</b>	<b>741.837.055.555</b>
I. Tài sản cố định	220		327,778,992,618	301.484.171.936
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	28,395,552,514	32.337.998.200
- Nguyên giá	222		35,597,180,765	36.709.209.919
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7,201,628,251)	(4.371.211.719)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	75,492,743,347	73.994.097.639
- Nguyên giá	228		75,543,891,950	73.994.097.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51,148,603)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	223,890,696,757	195.152.076.097
II. Bất động sản đầu tư	240	11	56,335,790,339	54.316.283.441
- Nguyên giá	241		56,886,003,360	54.530.921.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(550,213,021)	(214.637.976)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	748,522,499,087	384.962.520.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		730,260,520,000	358.712.520.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		26,250,000,000	26.250.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(7,988,020,913)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		852,189,538	1.074.080.178
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	221.890.640
2. Tài sản dài hạn khác	268		852,189,538	852.189.538
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,206,116,489,284</b>	<b>2.343.235.086.517</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			30/9/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,084,632,313,979</b>	<b>1.123.553.997.003</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>784,639,070,185</b>	<b>790.633.031.520</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	240,696,281,003	341.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		197,607,131,621	194.196.508.571
3. Người mua trả tiền trước	313		7,726,187,046	4,024.779.640
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1,614,346,111	51.716.557.896
5. Phải trả người lao động	315		3,250,006,654	3.027.530.000
6. Chi phí trích trước	316		155,058,892,343	122.091.445.196
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		176,419,868,450	74.076.210.217
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2,266,356,957	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>299,993,243,794</b>	<b>332.920.965.483</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,299,180,987	1.299.180.987
2. Vay và nợ dài hạn	334	15	298,694,062,807	331.621.784.496
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>1,121,484,175,305</b>	<b>1.219.681.089.514</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>1,121,484,175,305</b>	<b>1.219.681.089.514</b>
1. Vốn điều lệ	411		1,000,000,000,000	1.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(6,767,515,492)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		10,729,462,313	2.077.326.587
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		10,729,462,313	2.077.326.587
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		106,792,766,171	215.526.436.340
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,206,116,489,284</b>	<b>2.343.235.086.517</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

- |  | 30/9/2011 | 01/01/2011 |
|--|-----------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài                          |           |            |
| 2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công |           |            |
| 3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi           |           |            |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý                         |           |            |
| 5. Ngoại tệ các loại (USD)                     |           |            |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án                |           |            |

Người lập biểu



Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân



Ban Minh Chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 3 Năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2011	Quý 3/2010	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		68,984,152,651	246,269,553,430	420,019,132,713	371,596,264,136
2. Các khoản giảm trừ	02		(833,929,128)	1,620,046,982	(8,966,210,659)	1,620,046,982
3. Doanh thu thuần	10		68,150,223,523	244,649,506,448	411,052,922,054	369,976,217,154
4. Giá vốn	11		(52,442,309,594)	(180,293,949,692)	(318,387,628,645)	(273,469,278,001)
5. Lợi nhuận gộp	20		15,707,913,929	64,355,556,756	92,665,293,409	96,506,939,153
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		868,644,984	7,331,918,650	11,033,946,831	21,700,097,894
7. Chi phí tài chính	22		(7,194,903,117)	(1,167,777,777)	(26,094,447,871)	(1,167,777,777)
- Trong đó: lãi vay			(6,139,365,507)	(1,167,777,777)	(18,106,426,958)	(1,167,777,777)
8. Chi phí bán hàng	24		(1,194,605,968)	(807,422,429)	(2,961,556,099)	(1,218,538,577)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(3,370,400,351)	(5,323,190,813)	(52,039,644,126)	(18,286,391,410)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,816,649,477	64,389,084,387	22,603,592,144	97,534,329,283
11. Thu nhập khác	31		583,400,035	21,002,313	1,785,313,553	21,002,313
12. Chi phí khác	32		(2,940,903)	-	(550,601,614)	(111,619,932)
13. (Lợi)/Lợi nhuận khác	40		580,459,132	21,002,313	1,234,711,939	(90,617,619)
14. Lợi nhuận trước thuế	50		5,397,108,609	64,410,086,700	23,838,304,083	97,443,711,664
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(1,555,866,828)	(4,887,986,831)	(6,615,567,074)	(7,238,498,124)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(11,268,781,262)	-	(18,511,703,509)
17. Lợi nhuận sau thuế	60		3,841,241,781	48,253,318,607	17,222,737,009	71,693,510,031

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thuý Nga

Vũ Thị Kim Ngân





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý 3/2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng.

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 3/2011 (Luỹ kê)	Quý 3/2010 (Luỹ kê)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23,838,304,083	97.43.711.664
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3,217,140,180	1.733.777.718
Dự phòng	03	48,742,839,835	
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(1,575,000,000)	(21.700.097.894)
Chi phí lãi vay	06	(17,717,635,291)	1.167.777.777
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08	56,505,648,807	78.645.169.265
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	364,692,940,429	(297.457.587.961)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(89,586,065,806)	453.510.896.931
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	142,192,786,420	(38.736.657.232)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7,514,959,253	(3.773.684.417)
Tiền lãi vay đã trả	13	(17,087,808,130)	(5.476.187.847)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(56,264,952,789)	(4.859.650.479)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	19,570,628,409	195.056.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8,283,719,969)	(1.628.770.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	419,254,416,624	180.418.584.260
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(25,745,065,968)	(519.121.579.277)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(39,500,000,000)	
Tiền thu hồi cho vay từ các công ty khác	24	-	15.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	(371,548,000,000)	(108.770.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,554,835,720	19.245.516.505
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(426,238,230,248)	(593.146.062.772)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	62.380.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu quỹ	32	(6,767,515,492)	
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	520,480,325,683	381.214.177.631
Tiền vay đã trả	34	(654,211,766,369)	(69.200.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(97,633,481,300)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(238,132,437,478)	374.394.177.631
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(245,116,251,102)	(38.333.300.881)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	249,370,284,462	201.794.435.381
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	4,554,033,360	163.461.134.500

Người lập biểu

Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng

Vũ Thị Kim Ngân



Bùi Minh Chính



## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008269 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24 tháng 5 năm 2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PTL.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang, Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh.

### Hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn;
- Sản giao dịch bất động sản.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của riêng Công ty.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công

*Mut*



nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho bao gồm chi phí xây dựng dở dang liên quan đến các dự án và các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 – 25
Phương tiện vận tải	4 – 8
Thiết bị văn phòng	3 – 5

#### **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm được mua. Công ty có quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ 421 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Vũng Tàu và quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại địa chỉ 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, một phần của nhà, đất và cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.



### Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các khoản ủy thác quản lý vốn, ủy thác đầu tư theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn và ủy thác đầu tư.

#### Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan đến việc đầu tư này. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo quy định hiện hành.

### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với các bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang cho người mua.

Đối với các bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá vốn của các bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng để hoàn thành bất động sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.



### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/9/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	194.540.589	132.868.716
Tiền gửi ngân hàng	4.059.492.771	10.737.415.746
Các khoản tương đương tiền	-	238.500.000.000
	<u>4.254.033.360</u>	<u>249.370.284.462</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/9/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền gửi Ngân hàng	49.500.000.000	10.000.000.000
	<u>49.500.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/9/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty TNHH Bệnh Viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	5.000.000.000	145.000.000.000
Petroland Thăng Long	-	252.819.444.444
Phải thu khác	1.607.582.046	8.797.297.572
	<u>6.607.582.046</u>	<u>406.616.742.016</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	30/9/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chung cư Petroland Quận 2	64.728.227.943	65.607.332.624
Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	304.675.016.946	267.178.132.229
Chung cư Mỹ Phú	68.372.368.600	19.938.767.100
Các công trình tư vấn quản lý dự án	9.832.585.387	5.297.901.117
	<u>447.608.198.876</u>	<u>358.022.133.070</u>

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình tư vấn quản lý dự án và các dự án kinh doanh bất động sản.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 1/1/2011	30.304.878.082	-	4.034.159.710	2.370.172.127	36.709.209.919
Tăng trong kỳ		29.112.227	952.809.091	346.529.599	1.328.450.917
Giảm trong kỳ	2.440.480.072				2.440.480.072
Tại ngày 30/9/2011	27.864.398.010	29.112.227	4.986.968.801	2.716.701.726	35.597.180.764
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 1/1/2011	1.814.774.652	-	1.656.098.142	900.338.925	4.371.211.719
Khấu hao trong kỳ	1.697.242.432	653.290	616.114.054	516.406.755	2.830.416.531
Tại ngày 30/9/2011	3.512.017.084	653.290	2.272.212.196	1.416.745.680	7.201.628.250
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/9/2011	24.352.380.926	28.458.937	2.714.756.605	1.299.956.046	28.395.552.514
Tại ngày 1/1/2011	28.490.103.430	-	2.378.061.568	1.469.833.202	32.337.998.200



**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính, bản quyền VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	73.874.097.639	120.000.000	73.994.097.639
Tăng trong kỳ	1.401.824.311	147.970.000	1.549.794.311
Tại ngày 30/9/2011	75.275.921.950	267.970.000	75.543.891.950
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	51.148.603	51.148.603
Tại ngày 30/9/2011	-	51.148.603	51.148.603
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/9/2011	75.275.921.950	216.821.397	75.492.743.347
Tại ngày 1/1/2011	73.874.097.639	120.000.000	73.994.097.639

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/9/2011 VND	01/01/2011 VND
Dự án đường vành đai 2	5.098.003.098	5.086.518.075
Khu đô thị mới Vũng Tàu	150.598.403.659	121.871.268.022
Dự án nhà ở thương mại Tương Bình Hiệp	36.000.000.000	36.000.000.000
Chung cư Huỳnh Tấn Phát	32.194.290.000	32.194.290.000
	<b>223.890.696.757</b>	<b>195.152.076.097</b>

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	10.731.898.875	43.799.022.542	54.530.921.417
Tăng trong kỳ	2.021.896.754	333.185.189	2.355.081.943
Tại ngày 30/9/2011	12.753.795.629	44.132.207.731	56.886.003.360
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	214.637.976	-	214.637.976
Trích khấu hao trong kỳ	335.575.045	-	335.575.045
Tại ngày 30/9/2011	550.213.021	-	550.213.021
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/9/2011	12.203.582.608	44.132.207.731	56.335.790.339
Tại ngày 1/1/2011	10.517.260.899	43.799.022.542	54.316.283.441

Bất động sản đầu tư thể hiện một phần diện tích đất và chi phí xây dựng tòa nhà 16 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành và đã được cho thuê. Nguyên giá bất động sản đầu tư được ghi nhận tương ứng với phần diện tích cho thuê. Bất động

*rub*

sản đầu tư là toà nhà được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt vào ngày 03/8/2011.

## 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/9/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con (i)	730.260.520.000	358.712.520.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	157.325.000.000	157.325.000.000
- Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí Thăng Long	348.500.000.000	1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	200.387.520.000	200.387.520.000
- Công ty Cổ phần đầu tư Tây Ninh	24.048.000.000	
Đầu tư dài hạn khác (ii)	26.250.000.000	26.250.000.000
Dự phòng giảm giá	(7.988.020.913)	-
	<u>748.522.499.087</u>	<u>386.962.520.000</u>

### (i) Đầu tư vào công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309612230 cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Công ty Petroland nắm 89,9% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty này.

Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí Thăng Long, một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310275607 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở đăng ký tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty Petroland nắm 79,9% quyền sở hữu của Công ty này.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4200734936 cấp ngày 2 tháng 2 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký tại số 4, đường An Dương Vương, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Công ty Petroland nắm 65,38% quyền sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty này.

Công ty Cổ phần đầu tư Tây Ninh, một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900949861 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh. Trụ sở đăng ký tại số 50 Hoàng Lê Kha, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Công ty Petroland nắm 50,1% quyền sở hữu của Công ty này. Tuy nhiên, ngày 07/7/2011 Công ty CP Đầu tư Tây Ninh đã có nghị quyết số 101/NQ-Petroland\_TN về việc giải thể Công ty.

### (ii) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC SG), với số tiền đầu tư tương đương 7,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.

Ngày 15/3/2011 Công ty PVC SG đã niêm yết trên sàn SGDCK Hà Nội, vì vậy tại thời điểm 30/9/11 Công ty đã trích lập dự phòng khoản đầu tư này.

## 13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

30/9/2011

01/01/2011



	VND	VND
Khác	32.850.000.000	
BaovietBank Hồ Chí Minh	98.497.422.618	341.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	109.348.858.385	-
	<u>240.696.281.003</u>	<u>341.500.000.000</u>

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ("BaovietBank Hồ Chí Minh") với thời hạn vay dưới 1 năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại BaovietBank Hồ Chí Minh, quyền sử dụng đất của Công ty và chịu lãi suất từ 11,7% đến 16,5%/năm.

Nợ dài hạn đến hạn trả thể hiện khoản vay dài hạn đến hạn trả cho Ngân hàng Vietinbank và Bảo Việt từ 30/6/2011 đến 30/6/2012.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/9/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.522.459.707	51.171.845.422
Thuế thu nhập cá nhân	91.886.404	544.712.474
	<u>1.614.346.111</u>	<u>51.716.557.896</u>

**15. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/9/2011 VND	01/01/2011 VND
VietinBank Hồ Chí Minh	298.694.062.807	289.660.415.496
BaovietBank Hồ Chí Minh	0	41.961.369.000
	<u>298.694.062.807</u>	<u>331.621.784.496</u>

Hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("VietinBank Hồ Chí Minh") ngày 07/01/2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BaovietBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

Hợp đồng tín dụng ký với BaovietBank Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 8 năm 2010 với số tiền vay tối đa là 100 tỷ đồng. Thời hạn tối đa của khoản vay là 18 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Công ty được ân hạn nợ gốc 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất 15%/năm, áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng/lần, áp dụng bằng lãi suất tiết kiệm VND thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của BaovietBank Hồ Chí Minh tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm. Mục đích của khoản vay là tài trợ vốn cho dự án xây dựng Chung cư Petroland tại phường Bình Trưng Đông - Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Kỳ hạn trả nợ gốc định kỳ hàng tháng. Khoản này có thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và số dư khoản vay trên sẽ đáo hạn thanh toán vào tháng 2 năm 2012. Khoản vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất của dự án và được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hiện có và sẽ hoàn thành trong tương lai của dự án.

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Handwritten signature*

	<b>VND</b>
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 100.000.000 cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	1.000.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và thu tiền tại ngày 31/03/2011 100.000.000 cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	1.000.000.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 số 0305284081 ngày 7 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 1 nghìn tỷ đồng được chia thành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ <u>VND</u>	Cổ phiếu quỹ <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Số dư tại ngày 31/12/2010	1.000.000.000.000	-	215.526.436.340	2.077.326.587	2.077.326.587	1.219.681.089.514
Vốn góp						
Cổ phiếu quỹ		(6.767.515.492)				(6.767.515.492)
Trả cổ tức 2010			(100.000.000.000)			(100.000.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ			17.222.737.009			17.222.737.009
Trích Quỹ đầu tư phát triển			(8.652.135.726)	8.652.135.726		
Trích Quỹ dự phòng tài chính			(8.652.135.726)		8.652.135.726	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi			(8.652.135.726)			(8.652.135.726)
Số dư tại ngày 30/6/2011	1.000.000.000.000	(6.767.515.492)	106.792.766.171	10.729.462.313	10.729.462.313	1.121.484.175.305

Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2010 với tỷ lệ 10% theo NQ 1011/NQ-Petroland ngày 20/4/2011 của Đại hội đồng cổ đông.

**17. DOANH THU**

	Quý 3 năm 2011 <u>VND</u>	Quý 3 năm 2010 <u>VND</u>
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh BĐS	64.356.771.949	243.475.012.572
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.793.451.574	1.174.493.876
	<b>68.150.223.523</b>	<b>244.649.506.448</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý 3 năm 2011 <u>VND</u>	Quý 3 năm 2010 <u>VND</u>
Giá vốn hoạt động kinh doanh BĐS	48.911.085.063	179.565.420.569
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.531.224.531	911.543.453
	<b>52.442.309.594</b>	<b>180.293.949.692</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý 3 năm 2011 <u>VND</u>	Quý 3 năm 2010 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng, ủy thác đầu tư, quản lý vốn	868.644.984	7.331.918.650
	<b>868.644.984</b>	<b>7.331.918.650</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

*mele*



	Quý 3 năm 2011 VND	Quý 3 năm 2010 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.701.429.391	5.323.190.813
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-331.029.040	-
	<u>3.370.400.351</u>	<u>5.323.190.813</u>

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên doanh thu trừ chi phí. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sẽ được xác định và quyết toán lại khi bàn giao bất động sản theo hướng dẫn Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.

22. GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3 NĂM 2011

Thực hiện thông tư 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty xin giải trình kết quả kinh doanh quý 3/2011 như sau:

Trong kỳ, với lý do đặc thù doanh nghiệp là đơn vị kinh doanh bất động sản, kỳ trước ghi nhận doanh thu chủ yếu là từ dự án Phú Mỹ Hưng; kỳ này doanh thu từ các dự án không cao, làm doanh thu giảm so với cùng kỳ năm trước và lợi nhuận trong kỳ cũng giảm tương ứng.

Người lập biểu



Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân



Giám đốc

Đỗ Minh Chính

